

HAGL Agrico

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý II năm 2024



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 32

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.264.831.577	12.064.070.073
110	I. Tiền		2.577.489	47.288.173
111	1. Tiền	4	2.577.489	47.288.173
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.099.210.300	11.878.847.537
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.892.035.095	1.651.221.870
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.245.414.314	1.629.815.005
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.120.172.502	5.912.039.028
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.912.982.365	2.755.025.588
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(71.393.976)	(69.253.954)
140	III. Hàng tồn kho		51.564.291	37.700.270
141	1. Hàng tồn kho	9	63.433.209	50.182.824
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.868.918)	(12.482.554)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		111.479.497	100.234.093
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.481.000	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	108.712.666	99.948.262
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	285.831	285.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.087.071.775	9.135.851.600
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.842.979.606	4.050.979.875
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	3.172.296.809	2.382.041.632
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.670.682.797	1.668.938.243
220	II. Tài sản cố định		3.246.152	3.952.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	380.735	713.786
222	Nguyên giá		8.977.967	8.977.967
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.597.232)	(8.264.181)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.865.417	3.239.167
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.114.583)	(2.740.833)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	5.240.822.439	5.080.780.439
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.954.817.803	4.794.775.803
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(2.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		23.578	138.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	23.578	138.333
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.351.903.352	21.199.921.673

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.914.055.452	8.977.561.621
310	I. Nợ ngắn hạn		6.899.742.020	6.869.416.459
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	300.003.080	56.801.397
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	328.490.446	846.778.738
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	120.428	174.408
314	4. Phải trả người lao động		1.029.600	1.159.200
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	852.074.465	616.336.122
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	336.299.475	261.041.568
320	7. Vay ngắn hạn	19	5.081.724.526	5.087.125.026
330	II. Nợ dài hạn		3.014.313.432	2.108.145.162
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	33.939.083	33.939.083
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	52.502.144	51.183.874
338	3. Vay dài hạn	19	2.927.872.205	2.023.022.205
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.437.847.900	12.222.360.052
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	12.437.847.900	12.222.360.052
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lợi nhuận/ (lỗ) lũy kế		182.181.950	(33.305.898)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		(33.305.898)	(128.982.958)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		215.487.848	95.677.060
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.351.903.352	21.199.921.673

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý II năm 2024

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	141.262.448	106.742.680	216.663.042	209.483.672
11	2. Giá vốn hàng bán	22	(139.621.836)	(104.784.568)	(213.369.188)	(204.769.200)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.640.612	1.958.112	3.293.854	4.714.472
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	272.710.739	130.746.862	501.361.756	254.399.047
22	5. Chi phí tài chính	23	(149.057.502)	(121.256.318)	(280.058.228)	(256.846.737)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(137.727.257)	(132.326.242)	(266.836.456)	(252.081.579)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(1.099.050)	(729.615)	(2.088.732)	(2.312.680)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(4.898.970)	(2.520.919)	(6.905.752)	(4.284.399)
30	8. Lợi nhuận/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		119.295.829	8.198.122	215.602.898	(4.330.297)
31	9. Thu nhập khác	25	773.304	168.963	781.231	168.963
32	10. Chi phí khác	25	(18.258)	(212.202)	(896.281)	(449.612)
40	11. Lãi/ (lỗ) khác	25	755.046	(43.239)	(115.050)	(280.649)

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

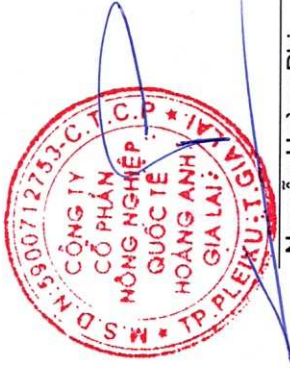
Ngân VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	12. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế		120.050.875	8.154.883	215.487.848	(4.610.946)
60	13. Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế TNDN		120.050.875	8.154.883	215.487.848	(4.610.946)

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2024

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lãi/ (lỗ) trước thuế		215.487.848	(4.610.946)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11	706.801	743.112
03	Các khoản dự phòng/ (Hoàn nhập)		1.526.386	(173.752.938)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(210.284.927)	(1.142.109)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(264.236.572)	(249.841.038)
06	Chi phí lãi vay	23	266.836.456	252.081.579
08	Lãi/ (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.035.992	(176.522.340)
09	Giảm/ (tăng) các khoản phải thu		381.455.996	(129.291.385)
10	Tăng hàng tồn kho		(13.250.385)	(99.089.141)
11	(Giảm)/ tăng các khoản phải trả		(211.874.937)	519.423.916
12	(Tăng) / giảm chi phí trả trước		(2.366.245)	555.295
14	Tiền lãi vay đã trả		(29.644.931)	(60.064.543)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(129.600)	(64.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		134.225.890	54.947.002
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay		(918.362.989)	(374.730.465)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(160.042.000)	-
27	Lãi tiền gửi		16.027	18.911
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.078.388.962)	(374.711.554)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.476.850.000	917.440.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(577.400.500)	(597.585.763)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		899.449.500	319.854.237
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(44.713.572)	89.685
60	Tiền đầu kỳ	4	47.288.173	819.991
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.888	37
70	Tiền cuối kỳ	4	2.577.489	909.713

Trương Thị Trúc Thiên Trang
 Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý II năm 2024

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai mươi (20) vào ngày 14 tháng 03 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 15 Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“Hoàng Anh Attapeu”)	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“Hoàng Anh Rattanakiri”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“Hoàng Anh Oyadav”)	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào (*)	Attapeu, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00

(*) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào được thành lập ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0005/ĐKDN của Cơ quan đăng ký doanh nghiệp, Sở Công nghiệp và Thương mại tỉnh Attapeu cấp. Vào ngày 21 tháng 02 năm 2024, Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/24/NQ-ĐHĐCĐ/HAGL Agrico thông qua Dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, nước CHDCND Lào.

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ Quý II năm 2024 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ ("CCDC") và hàng hóa	-	Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như TSCĐ vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao TSCĐ hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Phần mềm vi tính	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền gửi ngân hàng	2.567.541	47.248.055
Tiền mặt tại quỹ	9.948	40.118
TỔNG CỘNG	2.577.489	47.288.173

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.822.445.329	1.583.018.982
Khách hàng khác	69.589.766	68.202.888
	1.892.035.095	1.651.221.870

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước ngắn hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.241.497.006	1.621.544.078
Nhà cung cấp khác	3.917.308	8.270.927
	1.245.414.314	1.629.815.005

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	6.120.172.502	5.912.039.028
	6.120.172.502	5.912.039.028
Dài hạn		
Cho vay dài hạn các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.769.145.051	1.714.113.454
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào (*)	1.403.151.758	667.928.178
	3.172.296.809	2.382.041.632
TỔNG CỘNG	9.292.469.311	8.294.080.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản cho vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế, tiền thuê đất và các nghĩa vụ phải trả khác mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai hoặc được Chính phủ Lào hoàn trả lại bằng tiền.

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	2.893.388.724	2.754.328.281
Các khoản khác	19.593.641	697.307
	2.912.982.365	2.755.025.588
Dài hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	1.670.682.797	1.668.938.243
	1.670.682.797	1.668.938.243
TỔNG CỘNG	4.583.665.162	4.423.963.831

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng hóa	63.433.209	50.149.344
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	33.480
TỔNG CỘNG	63.433.209	50.182.824
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.868.918)	(12.482.554)
GIÁ TRỊ THUẦN	51.564.291	37.700.270

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
				Ngân VND
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(310.655)	(5.398.745)	(2.554.781)	(8.264.181)
Khấu hao trong kỳ	-	(71.016)	(262.035)	(333.051)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(310.655)	(5.469.761)	(2.816.816)	(8.597.232)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	302.394	411.392	713.786
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	231.378	149.357	380.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Phần mềm máy vi tính</i>
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.980.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>5.980.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(2.740.833)
Hao mòn trong kỳ	<u>(373.750)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(3.114.583)</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>3.239.167</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>2.865.417</u>

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>			
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 12.1)	4.954.817.803	-	4.794.775.803	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 12.2)	286.004.636	-	286.004.636	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 12.3)	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>2.594.610</u>	<u>(2.594.610)</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.243.417.049</u>	<u>(2.594.610)</u>	<u>5.083.375.049</u>	<u>(2.594.610)</u>

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Hoàng Anh Attapeu	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi bò và xây dựng	100,00	2.101.029.560	100,00	2.101.029.560
HAQM Lào	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	100,00	1.081.159.132	100,00	1.081.159.132
Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây công nghiệp	100,00	943.987.719	100,00	943.987.719
Hoàng Anh Oyadav	Trồng cây công nghiệp	100,00	828.641.392	100,00	668.599.392
TỔNG CỘNG			4.954.817.803		4.794.775.803

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cảnh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	15,00	2.594.610
			(2.594.610)		(2.594.610)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công cụ và dụng cụ	23.578	138.333
TỔNG CỘNG	23.578	138.333

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	280.666.411	40.309.084
Phải trả khác	19.336.669	16.492.313
TỔNG CỘNG	300.003.080	56.801.397

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Nhận ứng trước từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	328.490.446	846.686.346
Khách hàng thương mại và dịch vụ trả tiền trước	-	92.392
TỔNG CỘNG	328.490.446	846.778.738

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	108.712.666	99.948.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 26</i>)	285.831	285.831
TỔNG CỘNG	108.998.497	100.234.093
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế thu nhập cá nhân	120.428	174.408
TỔNG CỘNG	120.428	174.408

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	825.171.037	587.979.344
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	808.267.346	570.909.491
Các khoản khác	26.903.428	28.356.778
	852.074.465	616.336.122
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	33.939.083	33.939.083
	33.939.083	33.939.083
TỔNG CỘNG	886.013.548	650.275.205

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	316.203.135	242.844.188
Phải trả khác bên thứ ba	20.096.340	18.197.380
	336.299.475	261.041.568
Dài hạn		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	31.590.123	30.271.853
Phải trả khác bên thứ ba	20.912.021	20.912.021
	52.502.144	51.183.874
TỔNG CỘNG	388.801.619	312.225.442

19. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	4.256.494.508	4.261.894.508
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	52.490.000	52.490.000
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	499.999.500	500.000.000
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	272.740.518	272.740.518
	5.081.724.526	5.087.125.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

19. VAY (tiếp theo)		
Vay dài hạn		
Vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.1)	2.809.767.600	1.904.917.600
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.4)	118.104.605	118.104.605
	2.927.872.205	2.023.022.205
TỔNG CỘNG	8.009.596.731	7.110.147.231
19.1 Vay dài hạn bên liên quan		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	6.081.564.070	5.182.114.070
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG")	984.698.038	984.698.038
TỔNG CỘNG	7.066.262.108	6.166.812.108
Trong đó:		
Vay dài hạn bên liên quan	2.809.767.600	1.904.917.600
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả trong vòng một năm	4.256.494.508	4.261.894.508
19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	499.999.500	500.000.000
TỔNG CỘNG	499.999.500	500.000.000
19.3 Vay ngắn hạn các bên liên quan		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	272.740.518	272.740.518
TỔNG CỘNG	272.740.518	272.740.518
19.4 Vay dài hạn ngân hàng		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	170.594.605	170.594.605
TỔNG CỘNG	170.594.605	170.594.605
Trong đó:		
Vay dài hạn ngân hàng	118.104.605	118.104.605
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm	52.490.000	52.490.000

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2023				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(4.610.946)	(4.610.946)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(133.449.904)	12.122.216.046
Năm 2024				
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.305.898)	12.222.360.052
Lãi thuần trong năm	-	-	215.487.848	215.487.848
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	11.085.538.950	1.170.127.000	182.181.950	12.437.847.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Doanh thu thuần	141.262.448	106.742.680	216.663.042	209.483.672
Trong đó:				
Doanh thu bán vật tư nông nghiệp	119.203.848	96.583.911	176.622.242	169.458.203
Doanh thu bán mù cao su	22.058.600	10.158.769	40.040.800	40.025.469

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Lãi tiền cho vay	133.277.535	127.602.826	264.220.545	249.822.127
Lãi chênh lệch tỷ giá	139.431.807	3.132.436	237.125.184	4.558.009
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.397	11.600	16.027	18.911
TỔNG CỘNG	272.710.739	130.746.862	501.361.756	254.399.047

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý II		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Giá vốn vật tư nông nghiệp	117.694.826	95.259.264	174.093.508	167.704.752
Giá vốn mù cao su	21.927.010	9.525.304	39.275.680	37.064.448
TỔNG CỘNG	139.621.836	104.784.568	213.369.188	204.769.200

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II		Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
Chi phí lãi vay	137.727.257	119.326.242	266.836.456	252.081.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.381.230	1.102.587	10.381.230	3.633.288
Chi phí khác	949.015	827.489	2.840.542	1.131.870
TỔNG CỘNG	149.057.502	121.256.318	280.058.228	256.846.737

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II		Năm trước	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.099.050	729.615	2.088.732	2.312.680	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	863.200	459.246	1.572.100	1.604.622	
Chi phí nhân viên	235.850	268.599	511.832	563.590	
Khác	-	1.770	4.800	144.468	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.898.970	2.520.919	6.905.752	4.284.399	
Chi phí nhân viên	983.993	975.558	2.060.962	2.072.046	
Chi phí khấu hao và hao mòn	382.423	433.333	795.045	870.501	
Chi phí dự phòng	2.346.065	-	2.346.065	130.639	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.042.988	-	1.437.459	-	
Khác	143.501	1.112.028	266.221	1.211.213	
TỔNG CỘNG	5.998.020	3.250.534	8.994.484	6.597.079	

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý II		Năm trước	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước		Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	773.304	168.963	781.231	168.963	
Thu tiền từ việc xử lý tài sản	-	168.963	-	168.963	
Các khoản khác	773.304	-	781.231	-	
Chi phí khác	18.258	212.202	896.281	449.612	
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	18.298	212.179	36.517	424.353	
Các khoản phạt	-	23	-	25.259	
Các khoản khác	(40)	-	859.764	-	
LÃI/ (LỖ) KHÁC	755.046	(43.239)	(115.050)	(280.649)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Ngàn VND	
	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023
Lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế	215.487.848	(4.610.946)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.377.719	864.883
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(222.142.267)	428.851
Lỗ chịu thuế ước tính	(5.276.700)	(3.317.212)
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ <i>(Thuyết minh số 16)</i>	(285.831)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay tiền	314.550.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	130.470.311
		Lãi đi vay	123.105.114
		Bán hàng hóa	22.061.575
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ ("BHH và CCDV")	119.040.942
		Lãi cho vay	96.070.777
		Cho vay	33.000.000
		Mua hàng hóa	9.650.648
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	12.276.361
		Lãi cho vay	9.363.081
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Lãi cho vay	15.632.628
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Lãi cho vay	12.211.048
Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Quốc tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	707.200
Công ty TNHH Trung Tâm Thương Mại Và Cao Ốc Văn Phòng Thiso Sala ("Thiso Sala")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	217.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 5)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	BHH và CCDV	1.721.063.944
HAQM Lào	Công ty con	BHH và CCDV	48.382.967
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	BHH và CCDV	38.333.721
CRD	Công ty con	Bán hàng hóa	14.662.598
Công Ty TNHH MTV Cây Ăn Trái Thagrico Cao Nguyên	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa	2.099
TỔNG CỘNG			<u>1.822.445.329</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 6)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Mua hàng hóa	745.492.406
HAQM Lào	Công ty con	Mua hàng hóa	496.004.600
TỔNG CỘNG			<u>1.241.497.006</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 7)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	4.103.400.114
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cho vay	805.908.354
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	619.432.694
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	591.431.340
TỔNG CỘNG			<u>6.120.172.502</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i> (Thuyết minh số 7)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cho vay	1.505.690.446
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cho vay	262.454.605
HAQM Lào	Công ty con	Cho vay	1.000.000
TỔNG CỘNG			<u>1.769.145.051</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 8)			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Cấn trừ công nợ	1.781.525.387
		Lãi cho vay	649.434.525
		Chi hộ	165.441.972
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	135.689.280
		Cấn trừ công nợ	2.555.625
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Cấn trừ công nợ	71.793.344
		Chi hộ	22.614
CRD	Công ty con	Cấn trừ công nợ	86.925.977
TỔNG CỘNG			<u>2.893.388.724</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý II năm 2024

27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)


Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)</i>			
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Lãi cho vay	1.598.416.610
HAQM Lào	Công ty con	Lãi cho vay	72.266.187
TỔNG CỘNG			<u>1.670.682.797</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	240.160.675
Công ty TNHH Phân phối THACO AUTO	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua hàng hóa	37.024.200
CRD	Công ty con	Mua hàng hóa	2.660.283
Thilogi	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	707.200
Thiso Sala	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	114.053
TỔNG CỘNG			<u>280.666.411</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Nhận ứng trước tiền mua hàng hóa	<u>328.490.446</u>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi vay ngắn hạn	<u>808.267.346</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>			
Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cán trừ công nợ	209.882.115
Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Cán trừ công nợ	78.787.259
Heng Brothers	Công ty con	Cán trừ công nợ	10.311.024
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Thu hộ, phải trả khác	9.574.537
Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Thu hộ	7.648.200
TỔNG CỘNG			<u>316.203.135</u>
<i>Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 18)</i>			
Heng Brothers	Công ty con	Cán trừ công nợ	<u>31.590.123</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý II năm 2024

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2024

